TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2019/DS-PT
Ngày: 17/4/2019
V/v tranh chấp "Quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan;

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hằng;

Bà Trần Thị Kim Em.

-***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Giang, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

-***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*** Bà Lê Thị Thắm, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 10 và 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2019/TLPT-DS ngày 08/01/2019 về việc tranh chấp: "Quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 218/2018/DSST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐ-PT ngày 21/01/2019 giữa các đương sự:

*. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; (có mặt)

Địa chỉ: ấp H1, xã HB, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp H1, xã HB, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Th: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979; (có mặt)

Địa chỉ: Số 19/8A Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, thành phố Mỹ tho, tỉnh Tiền Giang.

*. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1955;
- Chị Bùi T4 T2, sinh năm 1978;
- Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1955;
- Anh Bùi Văn T2, sinh năm 1988;

- Anh Bùi Văn T3, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: ấp H1, xã HB, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, bà T1, chị T2, anh T2, anh T3: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979; (có mặt)

Địa chỉ: Số 1A Lê Thị Hồng Gấm, phường K, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Anh Nguyễn Chí T4, sinh năm 2000;

- Anh Nguyễn Văn Khánh, sinh năm 2002;

- Cháu Nguyễn Thị T4 TH, sinh năm 2009;

Cùng địa chỉ: ấp H1, xã HB, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Thị T4 TH: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1977; (có mặt)

Địa chỉ: ấp H1, xã HB, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T4 - Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Phó Chủ tịch. (vắng mặt)

- Ngân hàng N- Chi nhánh huyện C - Phòng giao dịch H1. (xin vắng mặt)

*. <u>*Người kháng cáo:*</u> Bị đơn Nguyễn Văn Th và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn Đ, Nguyễn Văn Th, Bùi T4 T2, Nguyễn Thị T1, Bùi Văn T2, Bùi Văn T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:*

Cha chị là ông Nguyễn Văn T5 có phần đất diện tích 3.287 m^2 tọa lạc tại ấp H1, xã HB, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vào năm 1984 Ủy ban nhân dân xã HB, huyện C, tỉnh Tiền Giang có chủ trương đào kênh 200 để dẫn nước canh tác lúa 03 vụ, do cha chị lớn tuổi và bị mù nên cha chị kêu ông Bùi Văn Đ đào kênh và cho ông Đ hưởng 1.000m^2 trong diện tích 3.287 m^2 nhưng sau khi đào kênh xong ông Đ tự ý đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thửa 131, diện tích 3.287 m^2 hết phần đất của cha chị. Sau khi biết sự việc cha chị có kiện ra chính quyền địa phương đòi nhiều lần nhưng phía ông Đ không trả, đến năm 2000 cha chị chết, chị tiếp tục tranh giành thì ông Đ lại sang tên phần đất này cho con là Nguyễn Văn Th.

Nay chị yêu cầu ông Th và các thành viên trong hộ phải trả lại diện tích đất 2.287 m^2 ở thửa 131 do anh Th đại diện hộ đứng tên.

**. Chị Nguyễn Thị Mỹ H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Văn Th và đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T1, Bùi Văn Đ, Bùi T4 T2, Bùi Văn T2, Bùi Văn T3 trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp là đất hoang, vào năm 1984 nhà nước chỉ thị đào kênh 200 để dẫn nước canh tác lúa 03 vụ, phía ông Đ đứng ra đào kênh và ông khai hoang phần còn lại nên ông Đ được hưởng và ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1999, thửa số 131, diện tích 3.287 m^2. Đến năm 2002 ông chuyển nhượng đất nên được cấp lại giấy số 14812 ngày 30/5/2002 thửa số 131, diện tích 3.287 m^2. Nay anh Th, ông Đ, bà T1, chị T2, anh T2 và anh T3 không đồng ý trả phần đất diện tích 2.287 m^2 như chị H yêu cầu.

*. *Ông Nguyễn Văn Th là người đại diện cho Nguyễn Chí T4, Nguyễn Văn Kh và Nguyễn Thị T4 TH trình bày:*

Thống nhất với lời trình bày của chị H đại diện ủy quyền của bị đơn, không đồng ý trả phần đất diện tích 2.287 m^2 như chị H yêu cầu.

*. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện C có đơn xin giải quyết vắng mặt và không có ý kiến gì.*

*. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C - Phòng giao dịch H* có đơn từ chối tham gia tố tụng vì cho rằng việc tranh chấp đất không ảnh hưởng đến khoản tiền vay của ngân hàng.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 218/2018/DS-ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Áp dụng Điều 688 Bộ luật Dân sự 2005.

Áp dụng Điều 95, 99, 100, 203 Luật Đất đai năm 2013.

Áp dụng Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị H.

Buộc anh Nguyễn Văn Th và các thành viên trong hộ trả cho chị Nguyễn Thị H phần đất diện tích 2.254,2 m^2 ở thửa số 131, tờ bản đồ số HMBC2, diện tích 3.287 m^2 (qua đo đạc thực tế diện tích 3.288,1 m^2 ở thửa số 60, tờ bản đồ địa chính số 05) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00207 ngày 20/9/2010 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ anh Nguyễn Văn Th, tọa lạc tại ấp H1, xã HB, huyện C, tỉnh Tiền Giang có vị trí như sau:

+ Hướng Đông giáp đê bao kênh 200 có số đo là 16.05 m và giáp đất của anh Th có số đo là 16.06m.

+ Hướng Tây giáp đất Nguyễn Văn L có số đo là 32,70m.

+ Hướng Nam giáp phần đất còn lại của anh Th có số đo 60,80m và 1 đoạn giáp phần đất Nguyễn Văn L có số đo là 14m.

+ Hướng Bắc giáp đất ông Huỳnh Văn H có số đo là 78,83m. Trong đó có phần đất mồ mã là 91,3m^2.

Phần còn lại giao cho anh Th với diện tích 1.033,9 m^2.

+ Hướng Đông giáp đê bao kênh 200 có số đo là 16,60m.

+ Hướng Tây giáp phần đất trả cho bà H có số đo 16,60m.

+ Hướng Nam giáp phần đất ông Nguyễn Văn Lộc 62,54m.

+ Hướng Bắc giáp đất trả cho bà H có số đo là 60,80m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Chị Nguyễn Thị H được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00207 ngày 20/9/2010 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ anh Nguyễn Văn Th để cấp lại cho chị Nguyễn Thị H và hộ anh Nguyễn Văn Th theo quy định của pháp luật.

Buộc chị Nguyễn Thị H hoàn trả giá trị cây trồng cho anh Nguyễn Văn Th với số tiền 300.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí:

- Anh Nguyễn Văn Th chịu 4.508.400 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 4.200.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 05676 ngày 01/7/2013 và 03587 ngày 11/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên hoàn lại cho chị 4.000.000 đồng tiền dự phí.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/11/2018 bị đơn Nguyễn Văn Th và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn Đ, Bùi T4 T2, Nguyễn Thị T1, Bùi Văn T2, Bùi Văn T3 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị Mỹ H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Văn Th và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn Đ, Bùi T4 T2, Nguyễn Thị T1, Bùi Văn T2, Bùi Văn T3 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xem xét lại toàn bộ bản án dân sự của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chị Nguyễn Thị H không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 218/2018/DSST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn Tú đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển N - Chi nhánh huyện C - Phòng giao dịch H có đơn xin không tham gia tố tụng nên căn cứ quy định của khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung kháng cáo: Chị H là người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà T1, ông Đ, chị T2, anh T2, anh T3 cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là đất do ông Đ khai hoang, năm 1984 nhà nước chỉ thị đào kênh 200 để dẫn nước canh tác 03 vụ, phía ông Đ đứng ra đào kênh và ông khai hoang phần còn lại nên ông Đ được hưởng và ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1999, thửa số 131, diện tích 3.287 m^2. Đến năm 2002 ông chuyển nhượng đất lại cho anh Nguyễn Văn Th nên được cấp lại giấy số 14812 ngày 30/5/2002 thửa số 131, diện tích 3.287 m^2. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị H là không phù hợp với quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hộ anh Th.

Xét phần đất tranh chấp có nguồn gốc thuộc thửa 131, theo hồ sơ 299 ông T5 đã đăng ký kê khai vào năm 1984 thửa số 46, lô số 367, tờ bản đồ số 1, diện tích 7.524 m^2. Theo công văn số 415/TTCNTT ngày 30/9/2013 của Trung tâm công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang và Công văn số 328/VPĐKQSDĐ ngày 30/5/2014 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C xác định thửa số 131, diện tích 3.287 m^2 đang tranh chấp tương ứng với thửa 46, lô 367, tờ bản đồ số 1, diện tích 7.524 m^2.

Căn cứ vào kết quả xác minh vào năm 1984 Ủy ban nhân dân xã HB có chủ trương đào kênh 200 để dẫn nước canh tác lúa 03 vụ và xác định phần đất tranh chấp là của cụ T5 và cụ T5 có thuê ông Đ đào kênh hưởng 1.000 m^2 và tại biên bản hòa giải ngày 08/7/1996 xác định số tiền 5.500.000 đồng là tiền công của một công đất, không phải giá trị toàn bộ diện tích đất 3.287 m^2. Phần đất ông Đ sau khi đào kênh đến canh tác cụ T5 đã tranh chấp liên tục năm 1984 đến khi cụ T5 mất vào năm 2000, sau đó con cụ T5 là chị H tiếp tục tranh chấp cho đến nay. Trong thời gian cụ T5 tranh chấp, ông Đ đã kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó ông Đ lập hợp đồng tặng cho phần đất tranh chấp cho anh Th. Mặc khác trên phần đất tranh chấp này có mồ mã của ông bà, cha mẹ cụ T5, nhiều cây trồng do cụ T5 trồng và năm 2000 khi cụ T5 chết chôn cất trên phần đất này ông Đ cũng không phản đối. Do đó có đủ căn cứ xác định phần đất diện tích 3.287 m^2 (đo đạc thực tế 3.288,1 m^2) có nguồn gốc của cụ T5 chứ không phải do ông Đ khai hoang. Tòa án sơ thẩm xử buộc anh Nguyễn Văn Th trả lại cho chị H diện tích 2.254,2 m^2 ở thửa số 131, tờ bản đồ số HMBC2 trong diện tích 3.287 m^2 (qua đo đạc thực tế diện tích 3.288,1 m^2) là có căn cứ. Phần đất giao cho anh Th qua đo đạc có diện tích là 1033,9m^2, vượt H so với yêu cầu của chị H nhưng chị H đồng ý giao phần diện tích đó cho anh Th, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị H nên Tòa án ghi nhận.

Tuy nhiên trong quá trình từ năm 1984 đến nay phía anh Th và các thành viên trong hộ anh Th đã có công bồi thổ, tu tạo, gìn giữ làm nâng giá trị đất lên. Do vậy khi giao đất lại cho chị H thì chị H phải có trách nhiệm giao lại cho anh Th và các thành viên trong hộ anh Th số tiền 40.000.000 đồng trị giá 500 m^2 đất tiền giữ gìn và tôn tạo đất khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Bị đơn Nguyễn Văn Th và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn Đ, Bùi T4 T2, Nguyễn Thị T1, Bùi Văn T2, Bùi Văn T3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 688 Bộ luật Dân sự 2005.

Áp dụng Điều 95, 99, 100, 203 Luật Đất đai năm 2013.

Áp dụng Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn Th và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn Đ, Bùi T4 T2, Nguyễn Thị T1, Bùi Văn T2, Bùi Văn T3. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 218/2018/DSST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị H.

Buộc anh Nguyễn Văn Th và các thành viên trong hộ anh Th gồm: ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị T1, chị Bùi T4 T2, anh Nguyễn Chí T4, anh Nguyễn Văn Khánh và Nguyễn Thị T4 TH trả cho chị Nguyễn Thị H phần đất diện tích 2.254,2 m^2 ở thửa số 131, tờ bản đồ số HMBC2, diện tích 3.287 m^2 (qua đo đạc thực tế diện tích 3.288,1 m^2 ở thửa số 60, tờ bản đồ địa chính số 05) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00207 ngày 20/9/2010 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ anh Nguyễn Văn Th, tọa lạc tại ấp H1, xã HB, huyện C, tỉnh Tiền Giang có vị trí như sau:

+ Hướng Đông giáp đê bao kênh 200 có số đo là 16.05 m và giáp đất của anh Th có số đo là 16.06m.

+ Hướng Tây giáp đất Nguyễn Văn L có số đo là 32,70m.

+ Hướng Nam giáp phần đất còn lại của anh Th có số đo 60,80m và 1 đoạn giáp phần đất Nguyễn Văn Lộc có số đo là 14m.

+ Hướng Bắc giáp đất ông Huỳnh Văn Hận có số đo là 78,83m. Trong đó có phần đất mồ mã là 91,3m^2.

Phần còn lại giao cho anh Th với diện tích 1.033,9 m^2.

+ Hướng Đông giáp đê bao kênh 200 có số đo là 16,60m.

+ Hướng Tây giáp phần đất trả cho bà H có số đo 16,60m.

+ Hướng Nam giáp phần đất ông Nguyễn Văn L 62,54m.

+ Hướng Bắc giáp đất trả cho chị H có số đo là 60,80m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Chị Nguyễn Thị H được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00207 ngày 20/9/2010 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ anh Nguyễn Văn Th để cấp lại cho chị Nguyễn Thị H và hộ anh Nguyễn Văn Th theo quy định của pháp luật.

Buộc chị Nguyễn Thị H hoàn trả giá trị cây trồng cho anh Nguyễn Văn Th với số tiền 300.000 đồng và 40.000.000 đồng trị giá 500 m^2 đất là tiền công bồi thố, tôn tạo làm tăng giá trị đất. Tổng cộng là 40.300.000 đồng (Bốn mươi triệu, ba trăm nghìn đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí:

- Anh Nguyễn Văn Th chịu 9.016.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh Th đã nộp theo biên lai thu số 09423 ngày 30/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên anh Th còn phải nộp tiếp 8.716.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị H phải chịu 2.015.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 4.200.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 05676 ngày 01/7/2013 và 03587 ngày 11/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên hoàn lại cho chị H 2.185.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ ngày 17 tháng 4 năm 2019 có mặt chị H, anh Th, chị H.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV &THA (TAT);

Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Ngoan